



## Bài báo nghiên cứu

# NHỮNG KỸ THUẬT PHIÊN DỊCH NGÔN NGỮ KÍ HIỆU CƠ BẢN

*Trần Thị Ngọc Lan*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Ngọc Lan – Email: [tngoclan@hcmue.edu.vn](mailto:tngoclan@hcmue.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 02-5-2019; ngày nhận bài sửa: 04-9-2019; ngày duyệt đăng: 16-11-2019*

### TÓM TẮT

*Bài viết giới thiệu và phân tích các kỹ thuật cơ bản để chuyển nghĩa từ ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) sang một ngôn ngữ khác trong giao tiếp, bao gồm: kỹ thuật sử dụng trường từ vựng; kỹ thuật sử dụng kí hiệu phân loại và kỹ thuật đặt câu hỏi. Đây là cơ sở lí luận cho lí thuyết phiên dịch NNNKH, giúp rèn luyện kĩ năng phiên dịch NNNKH.*

**Từ khóa:** kỹ thuật phiên dịch; ngôn ngữ kí hiệu; người điếc; phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu

### 1. Đặt vấn đề

Song song với sự phát triển về các vấn đề liên quan đến hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng, vấn đề phiên dịch NNNKH ngày càng bức thiết. Trên thế giới, gần đây đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực phiên dịch NNNKH, như: *Topics in Signed Language Interpreting: Theory and Practice* (Terry Janzen, 2005, John Benjamins Publishing); *Sign Language Interpreting in an Academic setting: Preparation Strategies and Considerations* (Shannon Knox, 2006, Journal of Social Anthropology and Cultural Studies); *Access all areas—sign language interpreting, is it that special?* (Christopher Stone, 2010, The Journal of Specialised Translation); *American Sign Language – English interpreting program faculty: Characteristics, Tenure perceptions and productivity* (Kimberly J. Hale, 2012, UMI Dissertation Publishing)... Tại Việt Nam, nhiều khóa học và dự án liên quan đến việc phát triển đội ngũ phiên dịch viên NNNKH đã được tổ chức như: *Thông dịch viên NNNKH* do Trung tâm Nghiên cứu – Thúc đẩy Văn hóa Điếc, Đại học Đồng Nai); *Hướng dẫn viên hỗ trợ giao tiếp/Phiên dịch viên NNNKH* (dự án Giáo dục trẻ Điếc trước tuổi đến trường – IDEO). Tuy đã có nhiều nghiên cứu về NNNKH, về công việc phiên dịch nói chung nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập lĩnh vực phiên dịch NNNKH. Nhiều đối tượng có nhu cầu tìm hiểu kiến thức về phiên dịch NNNKH nhưng nguồn tài liệu tiếng Việt về vấn đề này còn rất hạn chế. Vì vậy, chúng tôi cho rằng nghiên cứu những kỹ thuật phiên dịch NNNKH cơ bản là cần thiết.

---

**Cite this article as:** Tran Thi Ngoc Lan (2020). Some sign language interpretation techniques. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(1), 186-196.

## 2. Nội dung

### 2.1. Các khái niệm

#### 2.1.1. Phiên dịch (*interpret*)

Phiên dịch là dịch một văn bản hay một lời phát biểu từ một ngôn ngữ hoặc một hệ thống kí hiệu này sang một ngôn ngữ hoặc một hệ thống kí hiệu khác (Oxford University, 2008, p.233)

#### 2.1.2. Ngôn ngữ kí hiệu (*sign language*)

Là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ, điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc. Cũng như ngôn ngữ lời nói, NNKH là một ngôn ngữ thực sự, có ngữ pháp và cấu trúc riêng... Sử dụng NNKH hoàn chỉnh, người Điếc có thể trao đổi mọi điều cũng như những người nghe sử dụng ngôn ngữ nói. NNKH là một ngôn ngữ hoàn chỉnh với hệ thống từ vựng và ngữ pháp riêng biệt của người Điếc. (Cao, & Tran, 2017, p.11)

#### 2.1.3. Phiên dịch NNKH (*sign language interpretation*)

Là sử dụng kiến thức về ngữ cảnh của cả hai cộng đồng, khả năng ngôn ngữ, kiến thức về văn hóa để chuyển thông điệp từ một ngôn ngữ bất kì sang NNKH và ngược lại. (Napier, 2004, p.371)

#### 2.1.4. Phiên dịch viên ngôn ngữ kí hiệu (*sign language interpreter*)

Là người có kĩ năng về nhận thức siêu ngôn ngữ (*metalinguistic awareness*), có khả năng phân tích cấu trúc ngôn ngữ học của ngôn ngữ nguồn, ý nghĩa của thông điệp được thể hiện trong khuôn khổ cấu trúc ngữ pháp, những tác động cần thiết của thông điệp, từ đó chọn một cấu trúc thay thế tương đương ở ngôn ngữ đích, đảm bảo rằng vẫn giữ được sự tác động trong thông điệp đến người tiếp nhận. (Napier, 2004, p.372)






#### 2.1.5. Kỹ thuật phiên dịch NNKH (*sign language interpreting technique*)

Là những cách thức được dùng để chuyển nghĩa từ NNKH sang một ngôn ngữ khác, và ngược lại; hoặc hiểu theo một cách khác, kĩ thuật phiên dịch NNKH là những kĩ năng mà người phiên dịch cần được trang bị để sử dụng trong quá trình chuyển nghĩa từ NNKH sang một ngôn ngữ khác, và ngược lại.

### 2.2. Các kĩ thuật phiên dịch NNKH cơ bản

Do đặc thù văn hóa, ngôn ngữ của từng dân tộc, từng cộng đồng có những nét đặc trưng riêng. Một nhóm từ đơn giản có thể chung ý nghĩa và có một từ tương ứng với các ngôn ngữ khác (xem Bảng 1).

**Bảng 1.** So sánh đối ứng giữa các ngôn ngữ

Từ tiếng Việt	Hình ảnh (nghĩa)	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật
nước		water	de l'eau	水 (mizu)
mắt		eye	les yeux	目 (me)
xe ô tô		car	voiture	車 (kuruma)
hoa		flower	des fleurs	花 (hana)
đi		go	aller	行 (iku)

Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có sự tương đồng 1 – 1 này, vì vậy, khi chuyển nghĩa từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, để đảm bảo nội dung thông điệp thì việc sử dụng các kỹ thuật phiên dịch là điều tất yếu.

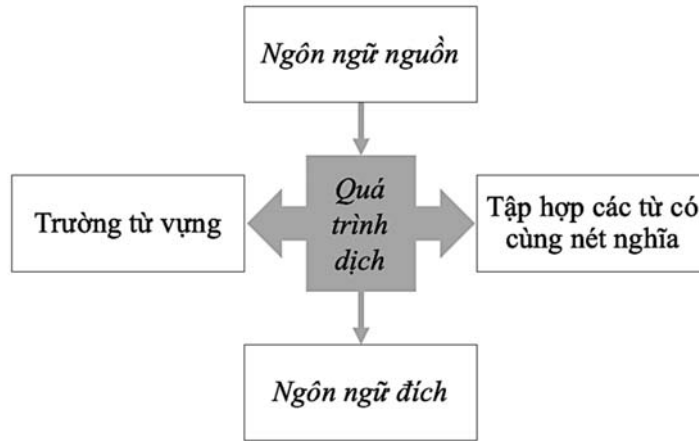
NNKH với đặc điểm là ngôn ngữ hình ảnh – ngôn ngữ ghi hình, khác với các ngôn ngữ sử dụng lời nói – ngôn ngữ ghi âm, nên kỹ thuật phiên dịch NNKH có những nét đặc thù.

### 2.2.1. Kỹ thuật sử dụng trường từ vựng

#### a. Khái niệm

Kỹ thuật sử dụng trường từ vựng là kỹ thuật chọn một từ hay một tập hợp từ có cùng nét nghĩa trong ngôn ngữ này thể hiện ý nghĩa cho một từ hay một tập hợp từ trong ngôn ngữ khác và ngược lại.

Kỹ thuật này được hiểu khái quát như Hình 1 sau đây:



**Hình 1.** Sơ đồ khái quát kỹ thuật sử dụng trường từ vựng

*b. Mục đích sử dụng kỹ thuật*

Khi ngôn ngữ đích không có từ tương ứng với ngôn ngữ nguồn, để đảm bảo giữ được nội dung thông điệp, người dịch sẽ chọn cách sử dụng một tập hợp những từ có cùng nét nghĩa thuộc trường từ vựng của ngôn ngữ nguồn.

Đây là một trong những kỹ thuật cơ bản, được sử dụng phổ biến trong phiên dịch NNKH.

*c. Cách sử dụng*

*Cách 1. Diễn giải*

NNKH không có nhiều những kí hiệu biểu đạt cho các từ mang nghĩa trừu tượng, khái quát, do vậy, khi gặp những từ là những khái niệm, thuật ngữ thì người phiên dịch sẽ sử dụng một nhóm từ để diễn đạt nhằm giúp người B hiểu được nghĩa của khái niệm hay thuật ngữ mà người A muốn diễn đạt (xem Bảng 2).

**Bảng 2.** Phiên dịch NNKH theo cách diễn giải

Ngôn ngữ nguồn	→	Ngôn ngữ đích
mỹ phẩm		kem, phấn, son, sữa rửa mặt...
giác quan		nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm
đồ gia dụng		chén, đĩa, tủ lạnh, bếp ga, giường, quạt...

*Cách 2. Quy nạp*

Ngôn ngữ đích dùng một từ mang nghĩa bao hàm những từ được liệt kê trong ngôn ngữ nguồn. Cách này được sử dụng khi người dịch muốn tóm gọn ý để dịch, trong ngôn ngữ đích (nói với người B) sẽ dùng một từ là một khái niệm, thuật ngữ bao hàm được nội dung của những từ ở ngôn ngữ nguồn (điều người A nói) và một điều quan trọng là người dịch biết chắc rằng người nhận thông tin hiểu từ mình sẽ dùng.

**Bảng 3.** *Phiên dịch NNKH theo cách quy nạp*

Ngôn ngữ nguồn	→	Ngôn ngữ đích
cô, cậu, chú, bác, thím		những người trong họ hàng
mưa, gió, bão, nắng		thời tiết
máy bay, tàu hỏa, ô tô, xe máy		phương tiện giao thông

*d. Yêu cầu khi sử dụng*

Kĩ thuật này được dùng khi trong ngôn ngữ đích không có từ vựng tương ứng với từ trong ngôn ngữ nguồn.

Khi sử dụng kĩ thuật này, người phiên dịch cần có vốn từ phong phú và kĩ năng nắm bắt ngữ nghĩa tốt, có khả năng lựa chọn từ sao cho phù hợp với bối cảnh và với người nhận thông tin.

*e. Ý nghĩa trên phương diện giáo dục*

Do sự hạn chế về đặc điểm ngôn ngữ và tư duy của học sinh Đיעc nên kĩ thuật này rất cần thiết. Giáo viên dạy học sinh Đיעc sử dụng NNKH theo cách diễn giải để làm rõ khi trẻ chưa hiểu nghĩa của từ qua đó việc cung cấp thêm vốn kí hiệu cho trẻ.

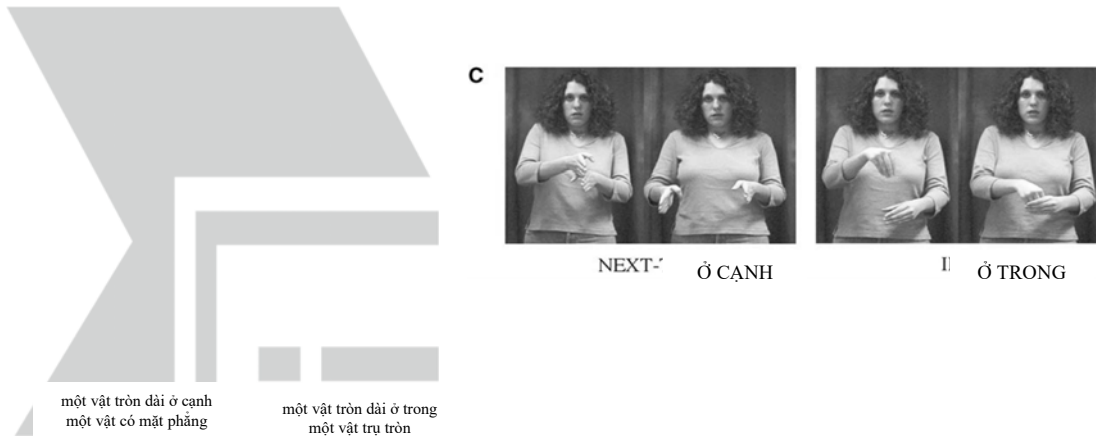
Việc dùng NNKH theo cách quy nạp sẽ giúp khả năng sử dụng ngôn ngữ mang tính khái quát của học sinh được nâng cao hơn, cải thiện khả năng khái quát hạn chế của học sinh.

Thường xuyên dùng kĩ thuật sử dụng trường từ vựng để giải thích nghĩa từ, học sinh sẽ có cái nhìn đa chiều hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ. Thay vì dùng một từ để thể hiện ý nghĩa, các em có thể chọn cách dùng một nhóm từ có cùng nét nghĩa; hoặc ngược lại, chỉ dùng một từ duy nhất để hiểu hoặc thể hiện ý nghĩa súc tích, tránh diễn giải rườm rà, khó hiểu.

*2.3.2. Sử dụng kí hiệu phân loại*

Nếu kĩ thuật sử dụng trường từ vựng là phổ biến trong phiên dịch thì kĩ thuật sử dụng kí hiệu phân loại là một kĩ thuật rất đặc trưng trong phiên dịch NNKH, có nhiều sự hợp nhất các yếu tố (cấu trúc diễn ra đồng thời) hơn là ngôn ngữ nói. (Emmorey, 2002, p.73-74)

Do NNKH được tiếp nhận bằng mắt và được kết hợp từ những chuyển động của bàn tay trong không gian, nên người dùng NNKH có thể diễn đạt cả một nội dung với nhiều yếu tố chỉ trong một hành động. Karen Emmorey, một nhà nghiên cứu sâu về kí hiệu phân loại trong NNKH Mĩ đã chỉ ra rằng khi dùng NNKH để biểu đạt các thông tin về vị trí, luôn có một sự tương ứng giữa vị trí của tay khi làm kí hiệu và vị trí của các sự vật trong thực tế. Khi mô tả vị trí trong không gian, các sự vật trước tiên sẽ được nhắc đến bằng các kí hiệu đơn lẻ; vị trí, hướng, mối liên hệ của sự vật này với sự vật khác sẽ được thể hiện bằng việc phối hợp các kí hiệu phân loại tương ứng với nhau. (Emmorey, 2002, p.813-814) (xem Hình 2)



**Hình 2.** Sử dụng kí hiệu phân loại biểu đạt thông tin về vị trí (Emmorey, 2002, p.814)

*a. Khái niệm*

Kí hiệu phân loại là một hình thức kí hiệu phức tạp trong NNKH, một hình dạng bàn tay có chức năng thay thế cho một đối tượng hoặc sự vật. (Emmorey, 2002, p.813)

Hiểu theo cách đơn giản hơn, kí hiệu phân loại là cách dùng hình dạng bàn tay như một đại từ thay thế cho một danh từ đã được nhắc đến trước đó và dùng chính kí hiệu đại từ đó kết hợp với các yếu tố như: vị trí, chiều hướng và chuyển động của tay để diễn tả vị trí, nơi chốn hoặc hành động của đối tượng chủ thể.

Kí hiệu phân loại không được quy ước, nó được người dùng NNKH tạo ra ngay trong quá trình giao tiếp để đảm tính nhanh gọn, tránh lặp lại một danh từ làm chủ ngữ nhiều lần.

*b. Mục đích sử dụng*

Kí hiệu phân loại được sử dụng khi người thể hiện muốn làm nổi bật lên, làm rõ những yếu tố liên quan đến không gian, vị trí trong nội dung truyền đạt. Ngoài ra, sử dụng kí hiệu phân loại còn tránh được việc lặp lại các kí hiệu quá nhiều lần khi dùng NNKH.

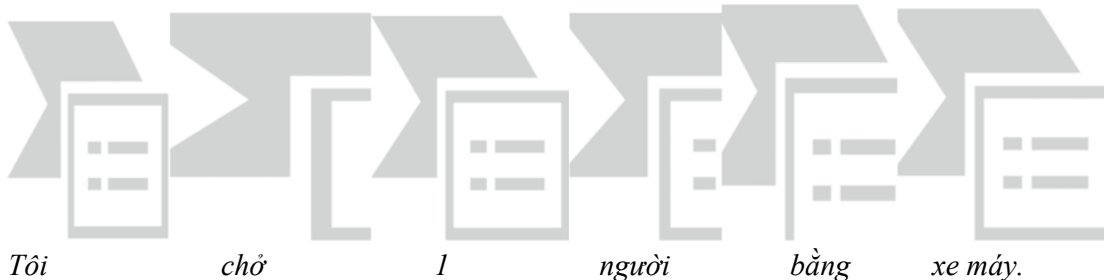
*c. Cách sử dụng*

Dùng kí hiệu phân loại để thay thế cho danh từ, đồng thời thể hiện cho giới từ.

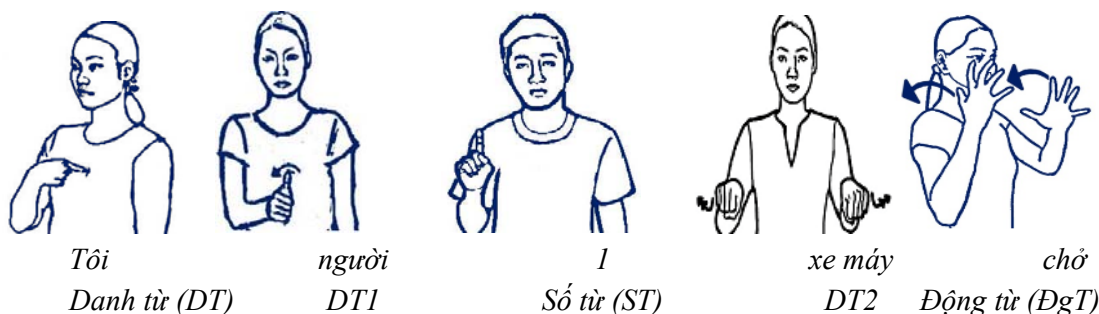
*Ví dụ:* khi muốn thực hiện câu “Tôi chờ 1 người bằng xe máy.”

Thay vì thực hiện lại kí hiệu bằng:

+ Kí hiệu theo cấu trúc tiếng Việt:



+ Hoặc theo đúng ngữ pháp của NNKH:



- Theo nghiên cứu của James Woodward và Nguyễn Thị Hòa, cấu trúc ngữ pháp của NNKH:

**Chủ ngữ (DT) + Tân ngữ (DT1, DT2, ST) + Động từ (Woodward, 2015, p.395)**

+ Sử dụng kí hiệu phân loại (xem Bảng 4):

**Bảng 4. Đối chiếu sử dụng kí hiệu quy ước và kí hiệu phân loại**

Từ	Kí hiệu quy ước	Kí hiệu phân loại	Cả câu
Tôi		 ngón giữa: tôi ngón trỏ: 1 người	
người			
1			
xe máy			
chở			

(Nguồn hình: Dự án Giáo dục trung học cho người Điếc, Trung tâm Nghiên cứu Thúc đẩy Văn hóa Điếc, Trường Đại học Đồng Nai)

Bảng 4 cho thấy kí hiệu phân loại thứ nhất đã thay thế được cho 2 danh từ chỉ người (tôi, 1 người), kí hiệu phân loại thứ hai thay thế cho danh từ xe máy.

Khi sử dụng kết hợp hai kí hiệu phân loại trên, ta có:

Vị trí: Kí hiệu thứ nhất ở trên kí hiệu thứ hai cho thấy hình ảnh vị trí của 2 người là ngồi trên xe máy; tương ứng với nội dung của câu (tôi – người chở – là ngón giữa, 1 người – người ngồi sau – là ngón trỏ).

Như vậy, chỉ với hai kí hiệu phân loại và một động tác đã thể hiện đầy đủ nội dung của câu. Nếu nội dung trình bày vẫn tiếp tục, nhiều lần nhắc về *tôi*, *người ngồi sau* hay *xe máy*, thì người thực hiện kí hiệu vẫn tiếp tục sử dụng kí hiệu phân loại như trên.

Ngoài ra, sử dụng kí hiệu phân loại còn diễn đạt được các ý phức tạp hơn như: chuyển động (ô tô vòng vèo trên đồi), thông tin mô tả hình dạng (cục gôm nhỏ), trạng thái cảm nắm điều khiển (đặt cuốn sách lên bàn). (Stratij, 2005, p.239)

#### d. Yêu cầu khi sử dụng

Tuy kí hiệu phân loại phần lớn không phải là kí hiệu quy ước nhưng khi muốn làm kí hiệu phân loại một cách tự nhiên nhất, người thực hiện kí hiệu nếu không phải là người Điếc nên tham khảo những cách làm từ những người Điếc thành thạo NNKH.

Kí hiệu phân loại dùng nhiều trong nội dung tường thuật. Vì vậy, khi dùng kí hiệu phân loại, người dùng cần phải có khả năng hình dung ra được bối cảnh của nội dung thì sẽ chọn được kí hiệu phân loại dễ dàng.

#### e. Ý nghĩa trên phương diện giáo dục

Dùng kí hiệu phân loại một cách phù hợp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ làm cho nội dung thể hiện được phong phú hơn, không bị lặp kí hiệu, học sinh có tư duy tốt hơn, vượt qua khuôn khổ quen thuộc của mình (chỉ dùng kí hiệu quy ước), mở rộng phạm vi lựa chọn kí hiệu, thể hiện được nội dung một cách đa dạng nhưng rất chi tiết và súc tích.

Ngoài ra, thành thạo trong việc sử dụng kí hiệu phân loại giúp học sinh Điếc diễn tả một cách sinh động một nội dung đa thông tin (một bài phát biểu, một câu chuyện, một bài văn...), nâng cao khả năng trình bày vấn đề, không bị lúng túng và lan man trong cách diễn đạt.

#### 2.2.3. Đặt câu hỏi

Với đặc điểm ghi nhớ của người Điếc, đồng thời khi giao tiếp bằng NNKH – ngôn ngữ tiếp nhận bằng mắt – rất khó để có thể nắm bắt được trọng tâm của vấn đề trong một bài phát biểu dài, nhiều nội dung. Để người nhận thông tin có thể hiểu được những ý chính, những nội dung quan trọng, người Điếc sử dụng kĩ thuật Đặt câu hỏi là chuyển đổi câu (*transformation of sentences*), cụ thể hơn là tái cấu trúc hình thái câu (*reconstructing morphosyntax of sentence*) từ câu tường thuật, mệnh lệnh, khẳng định... sang câu hỏi để nhấn mạnh nội dung thông tin.



a. Khái niệm

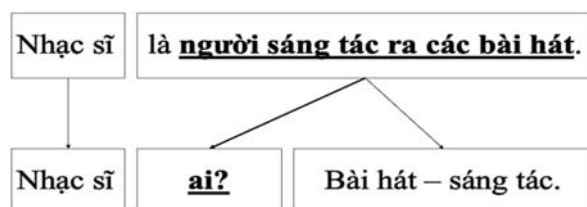
Đặt câu hỏi là kĩ thuật chuyển một nội dung gốc ở thể khẳng định sang sử dụng câu thể nghi vấn kèm theo phần trả lời để tạo ra một nội dung dịch đảm bảo ý nghĩa của thông điệp.

b. Mục đích sử dụng

Kĩ thuật này thường được dùng khi muốn thể hiện ý nhấn mạnh của một nội dung nào đó.

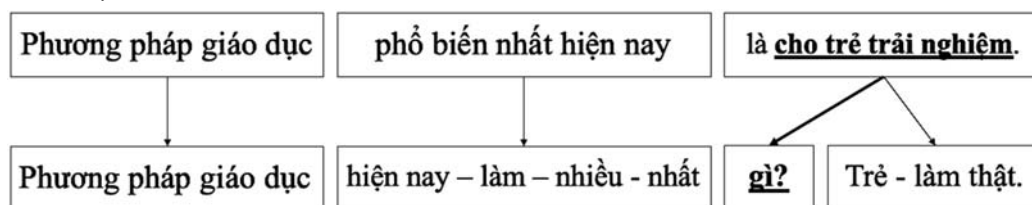
c. Cách sử dụng

Ví dụ 1:



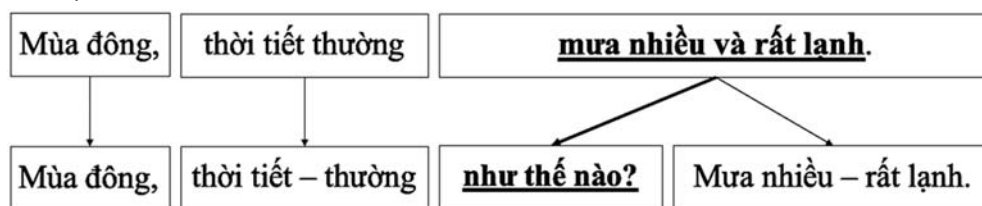
Thông tin chính trong câu này là *người sáng tác ra các bài hát*. Từ thông tin này, người dịch chọn từ để hỏi là *ai* và đưa vào nội dung câu trả lời.

Ví dụ 2:



Ý cần nhấn mạnh trong câu này là *cho trẻ trải nghiệm*. Nội dung này được đưa vào phần trả lời theo sau từ để hỏi là *gì*.

Ví dụ 3:



*Mưa nhiều và rất lạnh* là ý chính của câu gốc. Từ để hỏi *như thế nào* và nội dung câu trả lời trong câu dịch được đưa ra từ ý chính trên.

Như vậy, việc lựa chọn từ để hỏi phụ thuộc nhiều vào việc xác định được thông tin chính, ý cần được nhấn mạnh trong nội dung gốc.

Tóm lại, phương pháp này có thể được tóm tắt theo mô hình sau, *ý nhấn mạnh* thường sẽ được phân tích thành 2 phần và được đặt cạnh nhau trong nội dung dịch là *từ để hỏi* và *nội dung trả lời*.



**Hình 3.** Sơ đồ khái quát kỹ thuật đặt câu hỏi

*d. Yêu cầu khi sử dụng*

Theo đó, điều quan trọng nhất khi sử dụng kỹ thuật này việc lựa chọn từ đề hỏi phù hợp với thông tin chính, nội dung muốn nhấn mạnh.

Thông thường, kỹ thuật này chỉ được sử dụng khi ý muốn nhấn mạnh nằm trong một nội dung trình bày quá dài. Tuy nhiên, tránh sử dụng nhiều, vì nội dung trình bày sẽ trở nên vụn vặt, lủng củng.

*e. Ý nghĩa trên phương diện giáo dục*

Trong quá trình dạy học, với lượng thông tin nhiều, đảm bảo việc cập nhật kiến thức cho học sinh, kỹ thuật này có thể xem như là điểm nhấn giúp học sinh chọn lọc những nội dung quan trọng, nội dung chính cần ghi nhớ. Sử dụng kỹ thuật này một cách thành thạo với các thời điểm dừng hợp lý giữa câu hỏi và câu trả lời là phương pháp hiệu quả trong việc kích thích tư duy của học sinh bằng ngôn ngữ.

Thêm vào đó, việc chọn đúng từ đề hỏi cho nội dung được nhấn mạnh cho thấy người thực hiện kí hiệu rất hiểu về cấu trúc ngữ pháp của câu (ai – chủ ngữ, gì – vị ngữ, như thế nào – bổ ngữ, khi nào – trạng ngữ) sẽ giúp học sinh linh hoạt, thực hành các hình thái câu khác nhau của cùng một nội dung, từ đó nâng cao khả năng linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ của học sinh.

**4. Kết luận**

Kỹ thuật phiên dịch NCKH có những đặc điểm chung của phiên dịch ngôn ngữ nói chung và cũng có những kỹ thuật phiên dịch rất đặc thù, như: sử dụng trường từ vựng, sử dụng kí hiệu phân loại, đặt câu hỏi. Nắm được những kỹ thuật phiên dịch này người phiên dịch sẽ dễ dàng diễn đạt chính xác, súc tích, dễ hiểu, công việc phiên dịch sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả.

Ứng dụng các kỹ thuật phiên dịch trong giảng dạy, giáo viên sẽ giúp học sinh nhận ra mối liên hệ giữa NCKH và tiếng Việt, tăng vốn kí hiệu, tăng vốn từ, từ đó hoàn thiện khả năng sử dụng cả hai ngôn ngữ, phù hợp với phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận song ngữ hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Cao Thi Xuan My, & Tran Thi Ngoc Lan (2017). *Vietnamese Sign and Sign Language [Ki hieu ngon ngu va ngon ngu ki hieu Viet Nam]*. Ho Chi Minh: University of Education publishing.
- Emmorey, K. (2002). Neural Systems Underlying Spatial Language in American Sign Language. *Salk Institute for Biological Studies, 17*(2), 812-824.
- Napier, J., & Barker, R. (2004). Sign Language Interpreting: The Relationship between Metalinguistic Awareness and the Production of Interpreting Omissions. *Sign Language Studies, 4*(4), 369-393.
- Oxford University (2008). *Oxford Learner's Pocket Dictionary (Fourth Edition)*. Oxford University Press, 233.
- Stratiy, A. (2005). Best practices in interpreting: A Deaf community perspective. *Topics in Signed Language Interpreting: Theory and Practice, 1*(9), 231-250.
- Woodward, J., Nguyen Thi Hoa (2000). *Project on Opening University Education for Deaf People in Vietnam through Sign Language Analysis, Teaching and Interpretation [Du an giao duc dai hoc cho nguoi Diec Viet Nam thong qua phan tich, giang day va phien dich ngon ngu ki hieu]*. The Center for Studying and Promoting Deaf Culture.
- Woodward, J., Nguyen Thi Hoa, Dinh Mong Giang, Le Thi Thu Huong, Luu Ngoc Tu, & Ho Thu Van (2015). Sign Languages of the World: A comparative Handbook. *Ho Chi Minh sign language, 1*(15), 391-408.

**SOME SIGN LANGUAGE INTERPRETATION TECHNIQUES**

***Tran Thi Ngoc Lan***

*Ho Chi Minh City University of Education*

*Corresponding author: Tran Thi Ngoc Lan – Email: ttngoclan@hcmue.edu.vn*

*Received: May 02, 2019; Revised: September 04, 2019; Accepted: November 16, 2019*

**ABSTRACT**

*The article introduces and analyses some basic techniques in interpreting meaning from Sign Language (SL) into another language in communication. The mentioned techniques are lexicalizing, using classifier signs, transforming sentence from affirmative to self-answer question. This whole content is a basic theory for the general SL interpretation theory as well as for the SL interpreting skills training.*

**Keywords:** deaf people; interpreting technique; sign language; sign language interpretation